STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1	15022096	Hoàng Thái Dương	0	945,000	945,000	0	945,000
2	16020004	Nguyễn Văn Hoan	0	630,000	630,000	0	630,000
3	16020980	Trần Đức Học	0	945,000	945,000	0	945,000
4	16021041	Hà Thế Lực	0	1,575,000	1,575,000	0	1,575,000
5	16021273	Phạm Tuấn Dũng	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
6	16021353	Lê Thanh Tuấn	0	3,045,000	3,045,000	0	3,045,000
7	16021355	Vũ Quốc Tuấn	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
8	16021424	Bùi Thị Hoài Thu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
9	16021551	Đào Thế Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
10	16022148	Trần Minh Trí	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
11	16022222	Trần Ngọc Tân	0	945,000	945,000	0	945,000
12	16022335	Trần Văn Ninh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
13	16022424	Nguyễn Thanh Bình	0	4,935,000	4,935,000	0	4,935,000
14	16022441	Nguyễn Duy Hưng	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
15	16022442	Hà Ngọc Linh	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
16	16022452	Trần Thị Anh Thư	0	945,000	945,000	0	945,000
17	17020184	Nguyễn Mạnh Hưng	0	1,260,000	1,260,000	0	1,260,000
18	17020185	Trần Tuấn Anh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
19	17020191	Ngô Quang Dương	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
20	17020268	Vũ Thành Đạt	0	2,030,000	2,030,000	0	2,030,000
21	17020327	Nguyễn Trần Huy	0	5,495,000	5,495,000	0	5,495,000
22	17020337	Phùng Kim Khải	0	1,260,000	1,260,000	0	1,260,000
23	17020396	Nguyễn Hùng Phong	0	945,000	945,000	0	945,000
24	17020469	Hoàng Văn Tuyển	0	945,000	945,000	0	945,000
25	17020471	Nguyễn Tiến Tuynh	0	2,100,000	2,100,000	0	2,100,000
26	17020578	Nguyễn Hữu Nam Anh	0	5,880,000	5,880,000	0	5,880,000
27	17020616	Nguyễn Duy Chương	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
28	17020626	Nguyễn Cao Cường	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
29	17020657	Nguyễn Vũ Tùng Dương	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
30	17020674	Ngô Văn Đạt	0	945,000	945,000	0	945,000
31	17020712	Nguyễn Việt Hà	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
32	17020729	Đoàn Duy Hiển	0	945,000	945,000	0	945,000
33	17020735	Nguyễn Quang Hiệp	0	945,000	945,000	0	945,000
34	17020749	Nguyễn Trung Hiếu	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
35	17020756	Hoàng Đình Hoan	0	315,000	315,000	0	315,000
36	17020777	Vũ Mạnh Hoàng	0	945,000	945,000	0	945,000
37	17020834	Nguyễn Công Khánh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
38	17020838	Đỗ Lương Khoa	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
39	17020855	Ngọc Văn Linh	-12,750	8,505,000	8,492,250	0	8,492,250
40	17020909	Đào Duy Nam	897,750	6,300,000	7,197,750	0	7,197,750
41	17020965	Dương Tuấn Phương	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
42	17020990	Nguyễn Trung Quốc	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
43	17021003	Phạm Công Sơn	0	945,000	945,000	0	945,000
44	17021020	Phạm Văn Thành	0	945,000	945,000	0	945,000
45	17021027	Ngô Xuân Thắng	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
46	17021030	Nguyễn Mạnh Thắng	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
47	17021059	Đặng Hữu Tiến	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
48	17021060	Đặng Ngọc Tiến	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
49	17021062	Trần Xuân Tiến	0	1,260,000	1,260,000	0	1,260,000
50	17021064	Phạm Duy Tiếp	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
51	17021076	Nguyễn Thị Kiều Trang	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
52	17021077	Nguyễn Thị Minh Trang	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
53	17021088	Thân Thế Trung	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
54	17021122	Trịnh Đức Văn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
55	17021131	Cao Thế Vinh	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
56	17021136	Nguyễn Công Vũ	0	945,000	945,000	0	945,000
57	17021163	Kiều Nhật Long	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
58	17021199	Nguyễn Hoài Nam	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
59	17021435	Trần Đức Quý	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
60	17021442	Nguyễn Đăng Thành	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
61	17021448	Nguyễn Bá Tuấn	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
62	18020005	Nguyễn Thanh Bình	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
63	18020011	Nguyễn Minh Đức	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
64	18020019	Thái Phi Hoàng	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
65	18020020	Chu Văn Hưng	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
66	18020022	Đặng Quang Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
67	18020023	Ngô Đức Huy	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
68	18020033	Lê Hồng Long	0	4,305,000	4,305,000	0	4,305,000
69	18020037	Nguyễn Hải Long	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
70	18020056	Nguyễn Tiến Trọng	0	6,195,000	6,195,000	0	6,195,000
71	18020060	Lê Đức Tùng	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
72	18020070	Trịnh Tuấn Hùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
73	18020071	Đinh Đức Long	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
74	18020108	Nguyễn Văn An	0	1,260,000	1,260,000	0	1,260,000
75	18020134	Tạ Tú Anh	0	5,180,000	5,180,000	0	5,180,000
76	18020136	Đỗ Quang Anh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
77	18020137	Đỗ Ngọc Anh	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
78	18020139	Hứa Phạm Kiều Anh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
79	18020141	Đèo Mai Thái Anh	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
80	18020146	Nguyễn Tú Anh	0	945,000	945,000	0	945,000
81	18020156	Trần Đức Anh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
82	18020157	Đỗ Tuấn Anh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
83	18020163	Đào Ngọc Việt Anh	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
84	18020169	Đỗ Tuấn Anh	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
85	18020171	Trần Thị Vân Anh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
86	18020172	Võ Việt Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
87	18020173	Nguyễn Văn Việt Anh	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
88	18020175	Nguyễn Việt Anh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
89	18020178	Phạm Văn ánh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
90	18020179	Trần Thị Hồng ánh	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
91	18020181	Đỗ Thị Kim ánh	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
92	18020184	Nguyễn Hồ Bắc	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
93	18020185	Trần Việt Bắc	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
94	18020189	Nguyễn Quang Bách	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
95	18020192	Nguyễn Văn Bách	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
96	18020199	Đậu Hữu Bằng	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
97	18020207	Đào Việt Bích	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
98	18020208	Lê Long Biên	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
99	18020216	Vũ Văn Bình	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
100	18020218	Phan Thanh Bình	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
101	18020224	Nguyễn Văn Chiến	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
102	18020227	Mẫn Công Chiến	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
103	18020230	Nguyễn Như Chiến	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
104	18020237	Nguyễn Bá Chung	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
105	18020241	Bùi Chí Công	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
106	18020252	Nguyễn Mạnh Cường	0	1,260,000	1,260,000	0	1,260,000
107	18020254	Dương Quốc Cường	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
108	18020256	Nguyễn Đình Cường	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
109	18020259	Nguyễn Kiên Cường	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
110	18020260	Đặng Ngọc Cường	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
111	18020261	Nguyễn Cao Cường	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
112	18020266	Nguyễn Văn Đại	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
113	18020270	Lương Ngọc Đăng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
114	18020278	Nguyễn Thành Đạt	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
115	18020279	Nguyễn Thành Đạt	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
116	18020283	Khuất Duy Đạt	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
117	18020287	Nguyễn Tiến Đạt	0	1,575,000	1,575,000	0	1,575,000
118	18020292	Phạm Tuấn Đạt	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
119	18020293	Vũ Trọng Đạt	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
120	18020299	Nông Thị Diễm	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
121	18020301	Nguyễn Hữu Điệp	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
122	18020303	Nguyễn Văn Điệp	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
123	18020306	Lê Ngọc Đình	0	7,455,000	7,455,000	0	7,455,000
124	18020309	Đào Phúc Định	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
125	18020312	Lê Tiến Đoàn	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
126	18020316	Vũ Văn Đông	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
127	18020317	Trần Hữu Quốc Đông	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
128	18020328	Nguyễn Ngọc Đức	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
129	18020331	Bùi Đăng Đức	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
409	18020353	Nguyễn Chương Đức	0	945,000	945,000	915,000	30,000
410	18020357	Nguyễn Thị Dung	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
411	18020359	Lê Anh Dũng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
412	18020360	Vũ Tiến Dũng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
413	18020363	Uông Việt Dũng	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
414	18020369	Phạm Mạnh Dũng	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
415	18020377	Hoàng Trung Dũng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
416	18020381	Tạ Đình Dũng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
417	18020384	Trần Quốc Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
418	18020388	Phạm Nhật Dương	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
419	18020392	Hoàng Văn Dương	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
420	18020395	Vũ Triều Dương	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
421	18020397	Diêm Văn Dương	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
422	18020399	Bùi Xuân Dương	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
423	18020404	Cao Ngọc Dương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
424	18020411	Nguyễn Văn Duy	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
425	18020413	Lê Quang Duy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
426	18020416	Nguyễn Mạnh Duy	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
427	18020417	Nguyễn Khắc Duy	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
428	18020437	Trần Bảo Hà	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
429	18020438	Nguyễn Văn Hà	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
430	18020444	Lưu Đức Hải	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
431	18020447	Nguyễn Trọng Hải	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
432	18020448	Lưu Hữu Hải	0	5,110,000	5,110,000	0	5,110,000
433	18020449	Trương Ngọc Hải	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
434	18020453	Phạm Ngọc Hải	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
435	18020460	Hoàng Dương Hào	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
436	18020462	Nguyễn Đình Hảo	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
437	18020463	Nguyễn Duy Hậu	0	1,575,000	1,575,000	0	1,575,000
438	18020466	Hoàng Văn Hậu	0	6,195,000	6,195,000	0	6,195,000
439	18020473	Ngô Quang Hiển	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
440	18020474	Hoàng Mạnh Hiệp	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
441	18020479	Nguyễn Duy Hiếu	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
442	18020490	Nguyễn Văn Hiếu	-66,500	3,465,000	3,398,500	0	3,398,500
443	18020497	Đỗ Minh Hiếu	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
444	18020508	Lê Công Hiếu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
445	18020509	Nguyễn Trung Hiếu	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
446	18020518	Nguyễn Xuân Hiếu	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
447	18020521	Vũ Đình Hiệu	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
448	18020524	Nguyễn Ngọc Hoa	0	5,880,000	5,880,000	0	5,880,000
449	18020529	Hà Văn Hoài	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
450	18020530	Đỗ Thị Thu Hoài	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
451	18020531	Phạm Văn Hoan	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
452	18020534	Đồng Xuân Hoàn	0	2,835,000	2,835,000	1,890,000	945,000
453	18020540	Trần Quốc Hoàn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
454	18020547	Võ Việt Hoàng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
455	18020550	Nguyễn Minh Hoàng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
456	18020560	Lê Việt Hoàng	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
457	18020570	Nguyễn Việt Hoàng	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
458	18020573	Phan Việt Hoàng	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
459	18020583	Nguyễn Mạnh Hùng	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
460	18020594	Nguyễn Mạnh Hùng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
461	18020597	Phạm Văn Hùng	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
462	18020612	Nguyễn Hữu Hưng	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
463	18020643	Nguyễn Văn Huy	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
464	18020650	Ngô Quang Huy	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
465	18020658	Lê Đình Huy	3,591,000	1,575,000	5,166,000	0	5,166,000
466	18020659	Lê Đức Huy	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
467	18020663	Tạ Thị Huyền	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
468	18020669	Bùi Xuân Khải	0	5,425,000	5,425,000	0	5,425,000
469	18020671	Bùi Quang Khải	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
470	18020676	Vương Nhĩ Khang	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
471	18020692	Trần Minh Khánh	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
472	18020700	Trần Thị Khánh	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
473	18020701	Bùi Quốc Khánh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
474	18020703	Nguyễn Tiến Khánh	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
475	18020705	Trần Ngọc Khánh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
476	18020707	Lê Quốc Khánh	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
477	18020709	Nguyễn Quốc Khánh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
478	18020711	Nguyễn Gia Khiêm	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
479	18020712	Lương Đình Khiêm	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
480	18020713	Phạm Minh Khiêm	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
481	18020714	Lê Bình Khiêm	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
482	18020721	Nguyễn Đức Khôi	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
483	18020734	Nguyễn Trọng Kiên	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
484	18020739	Lê Tuấn Kiệt	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
485	18020741	Nguyễn Tân Thế Kỷ	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
486	18020749	Đỗ Xuân Lâm	0	945,000	945,000	0	945,000
487	18020753	Nguyễn Duy Lăng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
488	18020764	Phạm Quang Linh	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
489	18020766	Nguyễn Duy Linh	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
490	18020770	Đinh Xuân Linh	0	945,000	945,000	0	945,000
491	18020771	Vũ Việt Linh	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
492	18020778	Nguyễn Hồng Lĩnh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
493	18020783	Nguyễn Xuân Lộc	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
494	18020784	Nguyễn Xuân Lộc	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
495	18020785	Nguyễn Doãn Lợi	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
496	18020786	Lê Văn Lợi	0	5,880,000	5,880,000	0	5,880,000
497	18020789	Nghiêm Hoàng Long	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
498	18020794	Nguyễn Thành Long	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
499	18020797	Nguyễn Đình Long	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
500	18020801	Đỗ Văn Long	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
501	18020802	Vương Xuân Long	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
502	18020803	Nguyễn Bá Long	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
503	18020809	Nguyễn Đình Long	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
504	18020813	Vũ Thành Long	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
505	18020815	Hán Vũ Hoàng Long	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
506	18020817	Nguyễn Lê Long	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
507	18020821	Lê Văn Long	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
508	18020825	Lê Việt Long	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
509	18020840	Nguyễn Duy Long	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
510	18020841	Nguyễn Hoàng Long	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
511	18020847	Phạm Văn Long	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
512	18020850	Trần Đức Long	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
513	18020856	Trần Thanh Long	0	3,937,500	3,937,500	0	3,937,500
514	18020863	Đặng Trần Luật	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
515	18020867	Trần Thanh Lương	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
516	18020870	Phạm Văn Luyến	0	8,400,000	8,400,000	0	8,400,000
517	18020880	Bùi Xuân Mạnh	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
518	18020882	Đặng Sỹ Mạnh	-1,780	6,615,000	6,613,220	0	6,613,220
519	18020883	Nguyễn Huy Mạnh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
520	18020885	Đặng Văn Mạnh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
521	18020887	Nguyễn Công Mạnh	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
522	18020888	Nguyễn Quang Minh	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
523	18020890	Hoàng Đức Minh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
524	18020891	Lưu Bá Ngọc Minh	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
525	18020900	Lương Tuấn Minh	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
526	18020902	Trần Công Minh	0	8,610,000	8,610,000	0	8,610,000
527	18020904	Phạm Anh Minh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
528	18020923	Đỗ Văn Nam	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
529	18020924	Vũ Thanh Nam	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
530	18020925	Nguyễn Thành Nam	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
531	18020928	Bùi Văn Nam	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
532	18020930	Nguyễn Duy Nam	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
533	18020935	Nguyễn Đắc Nam	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
534	18020938	Trần Hữu Nam	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
535	18020946	Đào Đình Nghĩa	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
536	18020948	Lê Anh Nghĩa	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
537	18020953	Trần Đức Ngọc	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
538	18020954	Nguyễn Tiến Ngọc	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
539	18020955	Dương Minh Ngọc	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
540	18020960	Đặng Xuân Ngọc	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
541	18020971	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
542	18020977	Bùi Đức Nhật	0	6,195,000	6,195,000	0	6,195,000
543	18020997	Phạm Trung Phong	0	6,685,000	6,685,000	0	6,685,000
544	18021003	Nguyễn Viết Nam Phong	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
545	18021004	Nguyễn Minh Phú	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
546	18021011	Vũ Thế Phúc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
547	18021024	Nguyễn Thanh Phương	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
548	18021028	Viên Đình Phương	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
549	18021032	Nguyễn Đăng Quân	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
550	18021034	Cấn Đức Quân	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
551	18021036	Đại Văn Quân	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
552	18021042	Nguyễn Minh Quang	0	5,880,000	5,880,000	0	5,880,000
553	18021044	Nguyễn Minh Quang	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
554	18021046	Nguyễn Văn Quang	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
555	18021053	Phạm Hữu Quang	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
556	18021054	Trần Văn Quang	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
557	18021057	Thái Duy Quát	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
558	18021062	Ngô Thị Ngọc Quyên	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
559	18021068	Nguyễn Công Quyền	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
560	18021083	Đặng Thái Sơn	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
561	18021086	Lương Thái Sơn	0	945,000	945,000	0	945,000
562	18021088	Nguyễn Trọng Sơn	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
563	18021089	Trịnh Lê Sơn	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
564	18021092	Đặng Văn Sơn	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
565	18021098	Vũ Thái Sơn	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
566	18021105	Trần Thế Sơn	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
567	18021106	Hoàng Văn Sỹ	-780	3,780,000	3,779,220	0	3,779,220

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
568	18021108	Đoàn Trọng Sỹ	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
569	18021111	Nguyễn Đức Tài	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
570	18021112	Thái Duy Tài	0	2,905,000	2,905,000	0	2,905,000
571	18021117	Bùi Linh Tâm	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
572	18021119	Đỗ Minh Tân	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
573	18021122	Vũ Trọng Tấn	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
574	18021124	Phạm Trọng Tấn	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
575	18021130	Vũ Hoàng Thái	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
576	18021132	Nguyễn Hồng Thái	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
577	18021136	Phạm Công Thăng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
578	18021140	Phạm Việt Thắng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
579	18021141	Trần Đức Thắng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
580	18021142	Đỗ Viết Thắng	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
581	18021149	Lại Đình Thắng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
582	18021154	Phạm Văn Thắng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
583	18021156	Đinh Văn Thắng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
584	18021158	Nguyễn Văn Thắng	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
585	18021161	Vũ Văn Thắng	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
586	18021163	Nguyễn Phạm Quang Thắng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
587	18021164	Tạ Minh Thắng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
588	18021166	Nguyễn Cảnh Thanh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
589	18021167	Nguyễn Văn Thanh	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
590	18021168	Hà Duy Thanh	0	1,890,000	1,890,000	0	1,890,000
591	18021183	Ngô Đức Thành	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
592	18021187	Nguyễn Trí Thành	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
593	18021192	Đinh Kim Thành	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
594	18021193	Mai Tiến Thành	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
595	18021194	Nguyễn Duy Thành	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
596	18021195	Trương Gia Bảo Thao	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
597	18021197	Nguyễn Trọng Thảo	0	5,250,000	5,250,000	0	5,250,000
598	18021204	Phạm Ngọc Thế	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
599	18021208	Nguyễn Thị Thiêm	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
600	18021212	Nguyễn Văn Thiện	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
601	18021213	Phạm Văn Thiện	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
602	18021215	Lưu Văn Thiện	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
603	18021216	Phạm Ngọc Thiện	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
604	18021217	Trần Khắc Thiện	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
605	18021218	Vũ Công Thiết	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
606	18021219	Hoàng Vũ Thiết	0	4,305,000	4,305,000	0	4,305,000
607	18021220	Lê Đình Thiệu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
608	18021237	Viên Văn Thoại	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
609	18021241	Đoàn Xuân Thu	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
610	18021245	Trịnh Thị Thư	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
611	18021248	Nguyễn Văn Thuần	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
612	18021253	Phạm Ngọc Thuận	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
613	18021255	Phạm Trung Thức	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
614	18021262	Lê Thị Thùy	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
615	18021263	Nguyễn Thị Thùy	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
616	18021265	Lê Thị Thủy Tiên	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
617	18021267	Lường Thế Anh Tiên	0	5,880,000	5,880,000	0	5,880,000
618	18021268	Lê Văn Tiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
619	18021269	Nguyễn Mạnh Tiến	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
620	18021277	Nguyễn Thái Tiệp	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
621	18021280	Nguyễn Văn Toàn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
622	18021282	Vũ Thế Toàn	-780	4,725,000	4,724,220	0	4,724,220
623	18021289	Trịnh Văn Toản	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
624	18021299	Đào Huyền Trang	0	1,417,500	1,417,500	0	1,417,500
625	18021302	Phan Thị Huyền Trang	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
626	18021307	Mai Ngọc Trinh	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
627	18021315	Lý Hà Trung	0	4,795,000	4,795,000	0	4,795,000
628	18021324	Nguyễn Ngọc Trung	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
629	18021330	Lưu Quang Trung	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
630	18021332	Nguyễn Thành Trung	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
631	18021333	Nguyễn Đam Trường	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
632	18021334	Doãn Văn Trường	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
633	18021344	Phạm Xuân Trường	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
634	18021347	Đỗ Quốc Trượng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
635	18021348	Nguyễn Hoàng Tú	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
636	18021355	Nguyễn Trung Từ	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
637	18021356	Phí Văn Tuân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
638	18021358	Vương Văn Tuân	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
639	18021360	Hoàng Minh Tuấn	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
640	18021363	Nguyễn Hữu Tuấn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
641	18021366	Nguyễn Anh Tuấn	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
642	18021382	Trịnh Anh Tuấn	0	7,140,000	7,140,000	0	7,140,000
643	18021384	Phan Văn Tuấn	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
644	18021394	Trần Duy Tùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
645	18021399	Nguyễn Xuân Tùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
646	18021401	Nguyễn Thanh Tùng	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
647	18021403	Bùi Thanh Tùng	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
648	18021405	Hoàng Thanh Tùng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
649	18021407	Đào Đức Tùng	-18,000	2,520,000	2,502,000	0	2,502,000
650	18021408	Vũ Thanh Tùng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
651	18021410	Nguyễn Văn Tuyến	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
652	18021412	Vũ Tố Uyên	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
653	18021414	Đỗ Ngọc Thanh Vân	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
654	18021420	Lê Xuân Việt	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
655	18021423	Đào Minh Việt	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
656	18021434	Vũ Hữu Hải Vũ	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
657	18021443	Lê Đức Vũ	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
658	18021449	Nguyễn Quang Vỹ	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
659	18021455	Nguyễn Diệp Yến	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
660	19020002	Nguyễn Văn Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
661	19020010	Nguyễn Văn Hoàn	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
662	19020011	Nguyễn Quang Huy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
663	19020013	Nguyễn Quang Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
664	19020016	Trần Hữu Đức Mạnh	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
665	19020017	Trần Thế Phong	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
666	19020021	Nguyễn Phú Quốc	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
667	19020022	Cao Phan Thái	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
668	19020031	Lê Hoàng Anh	220	7,560,000	7,560,220	0	7,560,220
669	19020039	Lương Duy Đạt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
670	19020040	Nguyễn Tiến Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
671	19020041	Cao Đức Anh Dũng	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
672	19020046	Nguyễn Đình Huy	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
673	19020049	Vũ Quế Lâm	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
674	19020051	Phạm Trung Nghĩa	-898,530	8,820,000	7,921,470	0	7,921,470
675	19020053	Đồng Vũ Hạnh Thảo	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
676	19020057	Vũ Chí Dũng	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
677	19020070	Tạ Minh Hiếu	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
678	19020071	Thân Hoàng Đăng	0	1,260,000	1,260,000	0	1,260,000
679	19020072	Nguyễn Quang Minh	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
680	19020075	Nguyễn Đình Tuấn Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
681	19020078	Đặng TrungKiên	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
682	19020081	Nguyễn Quang Minh	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
683	19020082	Nguyễn Quốc Nhật	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
684	19020087	Nguyễn Quốc Trung	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
685	19020089	Nguyễn Minh Tiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
686	19020153	Nông Lương Đức	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
687	19020163	Vi Tiến Đạt	-113,500	5,670,000	5,556,500	0	5,556,500
688	19020167	Chu Trường Phi	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
689	19020169	Triệu Minh Tiến	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
690	19020170	Vi Anh Tuấn	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
691	19020171	Vi Quốc Thiện	-15,900	7,100,000	7,084,100	0	7,084,100
692	19020172	Lữ Thị Thùy Linh	0	2,457,000	2,457,000	0	2,457,000
693	19020174	Lê Văn Sơn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
694	19020177	Nguyễn Thị Tình	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
695	19020205	Lê Văn An	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
696	19020206	Nguyễn Văn Anh	0	8,190,000	8,190,000	0	8,190,000
697	19020207	Phạm Tuấn Anh	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
698	19020212	Nguyễn Việt Anh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
699	19020214	Trần Quốc Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
700	19020216	Đỗ Thị Hồng ánh	0	9,135,000	9,135,000	0	9,135,000
701	19020218	Nguyễn Cao Bách	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
702	19020224	Phạm Quốc Bình	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
703	19020226	Lê Trần Lâm Bình	0	3,465,000	3,465,000	0	3,465,000
704	19020227	Nguyễn Duy Chiến	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
705	19020228	Vũ Minh Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
706	19020229	Phạm Minh Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
707	19020234	Lê Văn Chương	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
708	19020235	Phan Văn Cơ	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
709	19020237	Đỗ Mạnh Cường	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
710	19020238	Văn Đăng Cường	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
711	19020239	Đoàn Duy Cường	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
712	19020245	Đỗ Tiến Đạt	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
713	19020246	Ngô Quang Đạt	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
714	19020248	Nguyễn Văn Điệp	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
715	19020251	Hoàng Văn Đô	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
716	19020253	Đoàn Văn Dự	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
717	19020255	Đậu Việt Đức	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
718	19020256	Nguyễn Đình Minh Đức	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
719	19020257	Trần Xuân Đức	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
720	19020259	Lê Văn Đức	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
721	19020260	Trần Minh Đức	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
722	19020265	Nguyễn Quang Đại Dương	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
723	19020266	Nguyễn Duy Đường	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
724	19020267	Chu Đình Duy	0	2,520,000	2,520,000	0	2,520,000
725	19020276	Khuất Văn Hải	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
726	19020282	Nguyễn Bá Hiệp	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
727	19020290	Phạm Trung Hiếu	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
728	19020293	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
729	19020299	Phạm Ngọc Hoàng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
730	19020300	Trần Văn Hoàng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
731	19020302	Trần ích Hoàng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
732	19020306	Lại Văn Huân	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
733	19020309	Bùi Đức Hùng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
734	19020313	Trần Văn Hùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
735	19020315	Lê Sỹ Hưng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
736	19020316	Lê Minh Hương	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
737	19020321	Trần Quang Huy	-45,000	7,245,000	7,200,000	0	7,200,000
738	19020322	Nguyễn Tấn Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
739	19020325	Trần Nhật Huy	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
740	19020328	Lê Thanh Huyền	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
741	19020329	Đỗ Quang Huynh	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
742	19020334	Phạm Quang Khánh	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
743	19020335	Đàm Tam Khoa	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
744	19020337	Lê Quang Khôi	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
745	19020339	Vũ Anh Kiên	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
746	19020340	Dương Trung Kiên	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
747	19020343	Mai Ngọc Lâm	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
748	19020345	Hoàng Khắc Lâm	0	7,755,000	7,755,000	0	7,755,000
749	19020346	Lê Mạnh Linh	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
750	19020353	Lê Thành Long	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
751	19020354	Nguyễn Tân Long	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
752	19020358	Phùng Thị Lý	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
753	19020360	Phạm Đức Mạnh	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
754	19020364	Nguyễn Đăng Mạnh	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
755	19020366	Trần Đức Minh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
756	19020367	Lê Văn Minh	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
757	19020371	Nguyễn Đăng Minh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
758	19020373	Đỗ Văn Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
759	19020377	Nguyễn Như Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
760	19020378	Phạm Thị Phương Nam	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
761	19020384	Võ Hồng Nghiệp	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
762	19020390	Đỗ Hải Phong	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
763	19020393	Trần Thành Phúc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
764	19020394	Phạm Tiến Phúc	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
765	19020396	Nguyễn Văn Phương	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
766	19020404	Phạm Mạnh Minh Quang	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
767	19020406	Nguyễn Ngọc Quang	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
768	19020410	Vũ Ngọc Quyền	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
769	19020411	Nguyễn Minh Quyết	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
770	19020413	Tạ Thị Như Quỳnh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
771	19020414	Trần Thị Diễm Quỳnh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
772	19020419	Nguyễn Đắc Sơn	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
773	19020421	Nguyễn Xuân Sơn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
774	19020423	Nguyễn Hồng Sơn	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
775	19020429	Phạm Gia Tâm	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
776	19020431	Vũ Cao Tân	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
777	19020433	Lưu Mạnh Tân	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
778	19020437	Chu Huy Thái	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
779	19020440	Nguyễn Văn Thắng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
780	19020449	Nguyễn Thị Thư	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
781	19020450	Nguyễn Công Thư	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
782	19020463	Trần Thị Trang	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
783	19020464	Nguyễn Xuân Trang	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
784	19020465	Phan Minh Trọng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
785	19020473	Nguyễn Quang Nhật Trường	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
786	19020474	Nguyễn Quang Trường	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
787	19020478	Bùi Duy Tuấn	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
788	19020480	Trần Sơn Tùng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
789	19020481	Nguyễn Hoàng Tùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
790	19020483	Ninh Thị Tươi	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
791	19020489	Nguyễn Hữu Vượt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
792	19020490	Đào Thị Hải Yến	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
793	19020491	Nguyễn Hữu An	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
794	19020494	Trần Nam Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
795	19020495	Nông Đức Việt Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
796	19020498	Nguyễn Tuấn Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
797	19020499	Phạm Hoàng Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
798	19020501	Nguyễn Đình Bách	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
799	19020502	Phạm Quốc Bảo	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
800	19020507	Nguyễn Công chức	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
801	19020508	Dương Bình Cương	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
802	19020510	Chu Việt Cường	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
803	19020512	Nguyễn Văn Cường	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
804	19020513	Nguyễn Văn Đại	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
805	19020514	Từ Minh Đăng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
806	19020524	Nguyễn Ngọc Du	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
807	19020526	Trần huỳnh Đức	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
808	19020527	Phạm Anh Đức	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
809	19020530	Văn Quốc Dũng	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
810	19020532	Phạm Tiến Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
811	19020533	Vũ Hoàng Dương	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
812	19020534	Nguyễn Văn Duy	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
813	19020535	Lê Thị Mỹ Duyên	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
814	19020538	Vũ Đức Hải	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
815	19020540	Trần Đức Hiến	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
816	19020541	Nguyễn Hoàng Hiệp	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
817	19020545	Lê Thanh Hiếu	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
818	19020550	Trần Huy Hoàng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
819	19020551	Trương Huy Hoàng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
820	19020552	Tống Văn Hùng	-806,780	1,260,000	453,220	0	453,220
821	19020557	Phạm Quang Huy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
822	19020561	Nguyễn Văn Khá	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
823	19020564	Trần Ngọc Kính	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
824	19020571	Nguyễn Viết Long	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
825	19020575	Nguyễn Thị Lương	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
826	19020579	Nguyễn Quang Minh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
827	19020581	Cao Kỳ Nam	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
828	19020585	Đỗ Thanh nghị	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
829	19020590	Mai Hồng Nhật	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
830	19020592	Hoàng Văn Phong	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
831	19020593	Đỗ Nam Phong	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
832	19020596	Nguyễn Việt Quân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
833	19020598	Bùi Minh Quân	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
834	19020611	Nguyễn Hoài Sơn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
835	19020614	Nguyễn Hoài Sơn	-4,224,780	7,245,000	3,020,220	0	3,020,220
836	19020617	Nguyễn Minh Tân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
837	19020619	Cao Đức Tân	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
838	19020621	Phùng Đức Thản	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
839	19020622	Trần Quyết Thắng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
840	19020623	Lưu Đức Thắng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
841	19020624	Trần Ngọc Thắng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
842	19020628	Đinh Duy Thành	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
843	19020631	Nguyễn Thị Phương Thảo	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
844	19020632	Nguyễn Thiêm	-18,000	6,615,000	6,597,000	0	6,597,000
845	19020636	Luyện Huy Tín	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
846	19020637	Trần Vũ Toàn	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
847	19020639	Trịnh Phan Mai Trang	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
848	19020640	Trần Minh Trí	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
849	19020643	Nguyễn Quốc Trung	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
850	19020650	Nguyễn Mạnh Tuấn	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
851	19020655	Vũ Minh Tuyến	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
852	19020658	Cấn Quốc Vinh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
853	19020660	Nguyễn Phúc Vinh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
854	19020662	Tạ Thị Minh Anh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
855	19020663	Nguyễn Đức Tuấn Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
856	19020672	Vũ Thành Công	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
857	19020674	Lại Chí Công	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
858	19020675	Hoàng Việt Cường	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
859	19020688	Phạm Hoàng Hải	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
860	19020692	Phạm Thị Hiền	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
861	19020693	Nguyễn Duy Hiệp	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
862	19020694	Hồ Minh Hiếu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
863	19020697	Bùi Thọ Hiếu	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
864	19020698	Hoàng Thị Hoa	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
865	19020705	Lê Thị Huệ	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
866	19020708	Vũ Công Hưng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
867	19020711	Bùi Quốc Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
868	19020712	Bùi Đức Huy	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
869	19020720	Lê Văn Long	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
870	19020721	Nguyễn Thế Thành Luân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
871	19020722	Dương Đình Mạnh	-6,780	6,300,000	6,293,220	0	6,293,220
872	19020728	Phạm Văn Minh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
873	19020731	Vũ Văn Nam	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
874	19020733	Nguyễn Thị Nga	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
875	19020735	Phạm Trung Nghĩa	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
876	19020736	Phan Đình Nghĩa	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
877	19020741	Đại Hùng Phi	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
878	19020743	Nguyễn Tài Phúc	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
879	19020744	Nguyễn Hồng Phúc	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
880	19020745	Trần Anh Phương	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
881	19020746	Đoàn Văn Quân	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
882	19020748	Phạm Xuân Sơn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
883	19020753	Nguyễn Ngọc Tân	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
884	19020758	Đinh Việt Thắng	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
885	19020759	Lê Nguyên Thành	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
886	19020760	Ngô Văn Thành	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
887	19020762	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
888	19020765	Cao Xuân Thình	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
889	19020766	Nguyễn Thị Thơm	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
890	19020770	Ngô Thượng Tiến	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
891	19020772	Dương Thị Huyền Trang	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
892	19020773	Vương Thị Thùy Trang	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
893	19020777	Mai Đình Trung	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
894	19020778	Nguyễn Văn Trung	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
895	19020779	Trần Quang Trường	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
896	19020781	Nguyễn Minh Tuấn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
897	19020782	Đỗ Trọng Tuấn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
898	19020784	Trần Anh Tuấn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
899	19020785	Nguyễn Chí Tùng	0	3,622,500	3,622,500	0	3,622,500
900	19020786	Nguyễn Viết Tùng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
901	19020790	Đào Lê Đức Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
902	19020791	Đoàn Văn Bình	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
903	19020794	Trần Quốc Cường	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
904	19020796	Phạm Ngọc Đạt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
905	19020797	Nguyễn Phương Đông	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
906	19020801	Trần Đăng Dũng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
907	19020802	Trịnh Văn Dũng	-15,750	5,985,000	5,969,250	0	5,969,250
908	19020805	Nguyễn Văn Dương	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
909	19020808	Hà Minh Hải	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
910	19020809	Đào Đình Hải	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
911	19020810	Phạm Vĩnh Hải	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
912	19020812	Nguyễn Đình Hiếu	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
913	19020815	Đinh Văn Hiếu	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
914	19020816	Phạm Văn Hiếu	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
915	19020818	Nguyễn Văn Hoàng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
916	19020821	Đinh Việt Hoàng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
917	19020822	Nguyễn Viết Hoàng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
918	19020823	Nguyễn Thái Học	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
919	19020826	Trần Quang Hưng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
920	19020829	Nguyễn Hoàng Huy	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
921	19020831	Nguyễn Xuân Khang	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
922	19020833	Thiều Văn Khánh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
923	19020835	Phạm Đức Kiên	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
924	19020837	Lê Văn Lộc	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
925	19020841	Bùi Quang Lực	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
926	19020844	Ngô Quang Nam	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
927	19020846	Nguyễn Thị Hoài Nhung	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
928	19020848	Phạm Văn Phương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
929	19020851	Dương Ngọc Quý	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
930	19020852	Lường Thị Quyên	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
931	19020853	Nguyễn Thế Quyền	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
932	19020855	Đỗ Bá Tấn	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
933	19020857	Vũ Đức Thắng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
934	19020860	Nguyễn Đình Thưởng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
935	19020863	Đỗ Thị Trang	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
936	19020866	Phạm Xuân Trường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
937	19020867	Nguyễn Quang Trường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
938	19020869	Hoàng Tiệp Trường	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
939	19020872	Lại Đức Tùng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
940	19020875	Nguyễn Đăng Vương	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
941	19020878	Lê Hải Anh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
942	19020879	Lê Đức Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
943	19020880	Trịnh Đình Đức Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
944	19020882	Phạm Quang Anh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
945	19020885	Mai Văn Bộ	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
946	19020886	Trương Trọng Chiến	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
947	19020887	Nguyễn Văn Chinh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
948	19020889	Trương Quốc Đạt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
949	19020891	Tống Xuân Đạt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
950	19020893	Phạm Tuấn Đạt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
951	19020894	Phan Quốc Đạt	-12,750	6,300,000	6,287,250	0	6,287,250

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
952	19020896	Lê Đàm Hồng Đức	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
953	19020898	Trần Lê Đức	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
954	19020899	Vũ Minh Đức	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
955	19020901	Phan Xuân Đức	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
956	19020902	Văn Ngọc Đức	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
957	19020907	Lê Công Dưỡng	-780	5,670,000	5,669,220	0	5,669,220
958	19020909	Nguyễn Quang Duy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
959	19020914	Phạm Hoàng Hà	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
960	19020916	Nguyễn Văn Hân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
961	19020917	Nguyễn Khánh Hiệp	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
962	19020918	Đỗ Hoàng Hiệp	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
963	19020919	Nguyễn Trung Hiếu	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
964	19020920	Phạm Trung Hiếu	-13,500	7,245,000	7,231,500	0	7,231,500
965	19020928	Trần Duy Hưng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
966	19020929	Nguyễn Thái Hưng	-17,250	7,245,000	7,227,750	0	7,227,750
967	19020932	Đồng Văn Huy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
968	19020935	Nguyễn Đức Huy	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
969	19020936	Phạm Thị Huyền	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
970	19020937	Hoàng Xuân Khoa	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
971	19020938	Bùi Đình Khôi	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
972	19020939	Hoàng Kim Trung Kiên	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
973	19020940	Vũ TrungKiên	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
974	19020951	Hoàng Công Mạnh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
975	19020953	Hán Văn Minh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
976	19020954	Vũ Đình Minh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
977	19020960	Đặng Phương Nam	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
978	19020963	Trần Văn Ninh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
979	19020964	Đoàn Dương Phúc	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
980	19020966	Cao Thanh Phương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
981	19020970	Phạm Minh Quang	-780	6,615,000	6,614,220	0	6,614,220
982	19020972	Thân Văn Sơn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
983	19020975	Đỗ Trung Tá	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
984	19020976	Phạm Hoàng Thạch	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
985	19020979	Nguyễn Hữu Thắng	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
986	19020980	Nguyễn Xuân Thắng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
987	19020982	Tạ Huy Thiên	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
988	19020989	Vũ Xuân Trường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
989	19020991	Nguyễn Thành Trưởng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
990	19020995	Nghiêm Xuân Việt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
991	19020996	Đỗ Thành Vinh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
992	19021142	Nguyễn Quang Anh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
993	19021143	Nguyễn Đình Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
994	19021145	Ngô Việt Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
995	19021146	Nguyễn Quốc Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
996	19021149	Vương Đức Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
997	19021150	Nguyễn Hải Đăng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
998	19021152	Nguyễn Trọng Đạt	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
999	19021153	Lê Quang Đức	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1000	19021154	Nguyễn Tiến Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1001	19021156	Lê Tùng Dương	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
1002	19021159	Vũ Minh Hiếu	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1003	19021160	Nguyễn Lê Đức Hoàng	-750	5,670,000	5,669,250	0	5,669,250
1004	19021166	Trần Thị Thanh Huyền	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1005	19021168	Vũ Tuấn Kiệt	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1006	19021169	Lê Tuấn Kiệt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1007	19021171	Trịnh Viết Mạnh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1008	19021173	Nguyễn Trọng Minh	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1009	19021177	Hà Văn Nguyên	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1010	19021179	Bùi Hữu Phước	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1011	19021182	Dương Minh Quang	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1012	19021184	Cao Khánh Tân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1013	19021185	Nguyễn Đức Thắng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1014	19021188	Nguyễn TrungThành	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1015	19021190	Nguyễn Thị Thanh Thảo	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1016	19021191	Lê Đình Thi	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1017	19021192	Nguyễn Mai Thương	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1018	19021196	Hoàng Hữu Trường	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1019	19021197	Nguyễn Văn Trường	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1020	19021202	Dương Quang Vinh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1021	19021544	Nguyễn Hoàng đạo	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1022	19021545	Đỗ Hồng Đức	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1023	19021551	Nguyễn Đức Hải	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1024	19021552	Phạm Mỹ Hạnh	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1025	19021555	Nguyễn Thị Hồng	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1026	19021558	Nghiêm Thị Huế	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1027	19021559	Nguyễn Thị Thu Hương	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1028	19021561	Nguyễn Thị Thùy Linh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1029	19021565	Nguyễn Hữu Miện	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1030	19021568	Nguyễn Thế Ngọc Phượng	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1031	19021569	Lương Hữu Quyết	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1032	19021570	Quách Văn Sơn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1033	19021571	Phạm Đình Thản	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1034	19021574	Trần Tuấn Tiến	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1035	19021577	Lê Tiến Vượng	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1036	19021578	Phạm Văn Bảo	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1037	19021579	Hoàng Hữu Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1038	19021590	Nguyễn Tấn Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1039	19021592	Nguyễn Đình Dương	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1040	19021598	Nguyễn Văn Hoàng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1041	19021605	Phan Trung Kiên	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1042	19021607	Phạm Quang Long	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1043	19021609	Nguyễn Hoài Nam	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1044	19021611	Trần Đại Nghĩa	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1045	19021613	Hồ Thức Nhân	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1046	19021618	Bùi Hồng Sơn	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1047	19021619	Nguyễn Phúc Thiên Sơn	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1048	19021622	Đặng Ngọc Thạch	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1049	19021626	Trần Văn Thịnh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1050	19021628	Đỗ Đức Thuận	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1051	19021630	Nguyễn Mạnh Toàn	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1052	19021631	Phạm Thành Trung	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1053	19021632	Đặng Văn Trung	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1054	19021634	Phan Duy Tuân	-117,250	8,190,000	8,072,750	0	8,072,750
1055	19021638	Phạm Hoàng Quân	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1056	20020003	Nguyễn Hải Bình	0	8,190,000	8,190,000	0	8,190,000
1057	20020006	Đào Quang Thái Dương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1058	20020009	Nguyễn Hải Đăng	-400,000	4,725,000	4,325,000	0	4,325,000
1059	20020011	Hoàng Phan Hữu Đức	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1060	20020017	Phạm Xuân Huy	-112,017	5,670,000	5,557,983	0	5,557,983
1061	20020019	Lê Mạnh Khương	2,394,000	1,575,000	3,969,000	0	3,969,000
1062	20020026	Hoàng Phan Hữu Phúc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1063	20020035	Vũ Minh Hiếu	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1064	20020042	Phạm Nhật Duy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1065	20020043	Nguyễn Kiến Thái Dương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1066	20020044	Lê Sỹ Đan	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1067	20020045	Đỗ Thành Đạt	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1068	20020047	Nguyễn Tiến Đạt	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1069	20020052	Nguyễn Huy Hoàng	0	2,992,500	2,992,500	0	2,992,500
1070	20020055	Đoàn Việt Khánh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1071	20020062	Trần Quý Nhất	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
1072	20020063	Hoàng Minh Nhật	0	8,190,000	8,190,000	0	8,190,000
1073	20020066	Phạm Quang Phong	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1074	20020067	Phạm Đình Quân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1075	20020069	Lê Thái Sơn	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
1076	20020084	Nguyễn Tuấn Đạt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1077	20020085	Lê Đức Mạnh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1078	20020086	Mai Thế Sơn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1079	20020088	Lê Đức Hải	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1080	20020093	Nguyễn Văn Tiến	0	8,190,000	8,190,000	0	8,190,000
1081	20020103	Bùi Trọng Hiếu	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1082	20020107	Đặng Thái Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1083	20020109	Nguyễn Việt Khoa	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1084	20020110	Đinh Nam Khuê	-780	5,040,000	5,039,220	0	5,039,220
1085	20020111	Lê Quang Kiên	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1086	20020116	Nguyễn Tiến Quang	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1087	20020118	Đặng Trung Thành	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1088	20020119	Nguyễn Thị Mai Trang	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1089	20020163	Nguyễn Hà Phương Thùy	-6,000	5,355,000	5,349,000	0	5,349,000
1090	20020164	Phạm Nguyễn Thành Trung	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1091	20020165	Nguyễn Phan Anh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1092	20020166	Lê Ngọc ánh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1093	20020168	Phí Mạnh Hùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1094	20020175	Phạm Quốc Việt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1095	20020177	Nguyễn Mạnh Cương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1096	20020179	Lê Tuấn Tú	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1097	20020189	Nguyễn Hải Bình	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1098	20020190	Bùi Thế Công	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1099	20020195	Nguyễn Khắc Hiếu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1100	20020196	Nguyễn Việt Hoàng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1101	20020199	Nguyễn Duy Khương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1102	20020207	Ngô Thế Ngọc	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1103	20020214	Vũ Nhật Tân	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1104	20020219	Nguyễn Anh Tuấn	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1105	20020221	Nguyễn Văn Tuyển	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1106	20020226	Trương Đức Hùng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1107	20020227	Bùi Đức Huy	-118,750	5,985,000	5,866,250	0	5,866,250
1108	20020230	Trần Đức Mạnh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1109	20020239	Nguyễn Tiến Thành	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1110	20020253	Lê Anh Đức	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1111	20020254	Dương Hùng Anh	-1,000	5,670,000	5,669,000	0	5,669,000
1112	20020257	Võ Minh Đức	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1113	20020260	Nguyễn Xuân Lâm	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1114	20020262	Mai Tuấn Nghĩa	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1115	20020272	Hoàng Minh Quân	2,394,000	5,670,000	8,064,000	0	8,064,000
1116	20020316	Trần Thị Hạnh An	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1117	20020320	Trần Ngọc Tuấn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1118	20020327	Lê Đức Anh	0	3,150,000	3,150,000	0	3,150,000
1119	20020330	Nguyễn Phạm Phú Sĩ	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1120	20020334	Trịnh Hoàng Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1121	20020338	Trương Lương Lai	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1122	20020339	Lê Xuân Quỳnh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1123	20020340	Hoàng Anh Thắng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1124	20020341	Dương Văn Tình	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1125	20020345	Vi Văn Cường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1126	20020346	Dương Kim Long	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1127	20020347	Nguyễn Thành Nam	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1128	20020348	Lẻo Tiến Thắng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1129	20020349	Lục Văn Tuyên	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1130	20020350	Nguyễn Triều Dương	0	1,795,500	1,795,500	0	1,795,500
1131	20020357	Bùi Tuấn Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1132	20020359	Nguyễn Quang Anh	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
1133	20020360	Nguyễn Vũ Anh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1134	20020361	Trần Thế Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1135	20020362	Vũ Hoàng Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1136	20020368	Nông Thị Thảo Chi	0	8,190,000	8,190,000	0	8,190,000
1137	20020371	Trương Thành Chung	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1138	20020376	Trần Đình Cường	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1139	20020380	Lê Hữu Dũng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1140	20020389	Nguyễn Quốc Đại	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1141	20020390	Nguyễn Đăng Hoàng Đạo	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1142	20020394	Nguyễn Minh Đức	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1143	20020396	Trương Minh Đức	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1144	20020397	Nguyễn Văn Hải	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1145	20020398	Vũ Văn Hào	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1146	20020403	Cao Trung Hiếu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1147	20020414	Vũ Huy Hoàng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1148	20020417	Đào Quang Huy	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1149	20020419	Nguyễn Quốc Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1150	20020421	Đinh Quốc Hưng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1151	20020424	Bùi Đình Khá	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1152	20020426	Nguyễn Duy Khánh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1153	20020430	Hoàng Ngọc Lan	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1154	20020434	Vũ Thanh Lâm	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1155	20020439	Nguyễn Tiến Mạnh	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
1156	20020440	Nguyễn Viết Mạnh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1157	20020444	Phạm Anh Minh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1158	20020446	Đoàn Văn Nam	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1159	20020447	Nguyễn Hải Nam	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1160	20020451	Nguyễn Đức Nghĩa	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1161	20020452	Phạm Gia Nghĩa	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1162	20020455	Phùng Thị Ngọc	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1163	20020458	Nguyễn Kim Nhật	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1164	20020460	Phan Văn Phong	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1165	20020462	Mẫn Đình Quang	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1166	20020463	Nguyễn Xuân Quang	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1167	20020465	Lê Hoàng Nam Quân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1168	20020466	Hoàng Sỹ Quý	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1169	20020467	Nguyễn Thế Quyết	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1170	20020470	Bùi Văn Tâm	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1171	20020481	Phùng Quốc Toàn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1172	20020483	Nguyễn Thị Thu Trang	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1173	20020486	Phạm Thị Kiều Trang	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1174	20020487	Trịnh Văn Tráng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1175	20020493	Phạm Anh Tú	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1176	20020495	Trần Anh Tú	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1177	20020503	Trần Thành Vinh	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1178	20020504	Nguyễn Văn Vũ	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1179	20020505	Quách Văn Vũ	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1180	20020508	Tẩn Minh Xuân	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
1181	20020509	Nguyễn Đình Việt Anh	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1182	20020511	Tường Duy Chung	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1183	20020514	Nguyễn Huy Công	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1184	20020517	Nguyễn Tiến Dương	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1185	20020520	Nguyễn Thành Đạt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1186	20020522	Hoàng Pháp Đức	0	3,780,000	3,780,000	0	3,780,000
1187	20020524	Bùi Thanh Hậu	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1188	20020525	Trần Trung Hậu	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1189	20020529	Nguyễn Trọng Hoạt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1190	20020530	Đinh Duy Hùng	2,142,000	5,355,000	7,497,000	0	7,497,000
1191	20020531	Lê Gia Huy	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1192	20020534	Lê Duy Khánh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1193	20020536	Mẫn Đức Lâm	-6,000	4,725,000	4,719,000	0	4,719,000
1194	20020539	Tạ Thị Bích Loan	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1195	20020542	Phạm Thành Luân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1196	20020544	Đinh Đức Lương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1197	20020548	Nguyễn Văn Minh	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1198	20020558	Nguyễn Thị Thanh Thuý	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1199	20020559	Phạm Thu Thủy	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1200	20020560	Hoàng Thị Trang	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1201	20020565	Nguyễn Thị Cẩm Tú	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1202	20020568	Đỗ Công Vinh	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1203	20020573	Trần Quang Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1204	20020575	Vũ Mạnh Cường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1205	20020580	Nguyễn Tiến Đăng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1206	20020581	Vũ Thanh Hải	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1207	20020585	Lại Quang Khởi	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1208	20020586	Bùi Thị Thanh Liên	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1209	20020587	Phạm Thắng Lộc	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1210	20020594	Nguyễn Thiện Nghĩa	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1211	20020599	Nguyễn Văn Sơn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1212	20020602	Trịnh Quốc Thiên	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1213	20020603	Trương Duy Thịnh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1214	20020607	Hoàng Kim Tiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1215	20020608	Lê Công Trình	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1216	20020611	Hồ Quang Trường	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1217	20020615	Phạm Sỹ Tuấn		6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1218	20020619	Ninh Thị Vân	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1219	20020620	Hà Hồng Việt	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1220	20020621	Nguyễn Trần Nhật Việt	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1221	20020622	Nguyễn Tấn Vương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1222	20020625	Lê Đức Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1223	20020626	Lương Đức Anh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1224	20020627	Nguyễn Quang Anh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1225	20020629	Nguyễn Thị Phương Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1226	20020630	Nguyễn Tuấn Anh	0	7,245,000	7,245,000	6,930,000	315,000
1227	20020634	Lê Anh Chiến	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1228	20020636	Nguyễn Viết Công	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
1229	20020639	Đào Quang Dũng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1230	20020640	Nguyễn Hưng Dũng	0	8,505,000	8,505,000	0	8,505,000
1231	20020644	Dương Tiến Đạt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1232	20020645	Nguyễn Đức Đạt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1233	20020646	Phạm Đức Đạt	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1234	20020648	Hồ Sỹ Trung Đức	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1235	20020649	Hoàng Ngọc Đức	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1236	20020652	Nguyễn Quang Hà	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1237	20020653	Nguyễn Thị Hà	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1238	20020656	Nguyễn Thị Thu Hải	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1239	20020659	Đỗ Duy Hậu	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1240	20020660	Nguyễn Công Hậu		5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1241	20020662	Bùi Quang Hiếu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1242	20020663	Đinh Quốc Hiếu	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1243	20020668	Lê Huy Hoàng		5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1244	20020670	Tạ Thiên Huân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1245	20020671	Nguyễn Văn Hùng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1246	20020680	Mai Xuân Lâm	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1247	20020681	Mai Văn Lệ	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1248	20020682	Lương Hải Long	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1249	20020685	Nguyễn Đức Luân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1250	20020687	Trương Thị Huyền Mai	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1251	20020689	Đồng Văn Mạnh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1252	20020690	Nguyễn Thạc Mạnh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1253	20020693	Lê Đức Minh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1254	20020696	Lê Phấn Nam	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1255	20020697	Trần Đình Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1256	20020698	Trần Văn Ngợi	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1257	20020701	Hà Quang Phong	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1258	20020702	Nguyễn Thiện Phúc	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1259	20020703	Chu Thanh Quang	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1260	20020704	Trần Minh Quang	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1261	20020705	Bùi Tiến Quân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1262	20020707	Nguyễn Thành Quốc	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1263	20020708	Nguyễn Trường Quyền	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1264	20020709	Nguyễn Văn Quyền	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1265	20020710	Hoàng Văn Quyến	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1266	20020711	Nguyễn Thanh Sơn	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
1267	20020712	Bùi Huy Tài	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1268	20020713	Lâm Thế Tài	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1269	20020714	Lưu Văn Tài	-2,394,000	5,040,000	2,646,000	0	2,646,000
1270	20020718	Nguyễn Công Thăng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1271	20020719	Phí Đình Thăng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1272	20020722	Trang Đức Thắng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1273	20020727	Nguyễn Huyền Trang	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1274	20020729	Trần Quang Trung	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1275	20020731	Ninh Vân Trường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1276	20020733	Nguyễn Sĩ Tú	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1277	20020737	Trần Văn Tuấn	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1278	20020740	Cao Văn Vị	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1279	20020741	Lê Hùng Việt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1280	20020745	Đặng Phúc An	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1281	20020746	Nguyễn Bá Hoài An	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1282	20020751	Lê Tuấn Anh	2,394,000	5,670,000	8,064,000	0	8,064,000
1283	20020752	Nguyễn Hoàng Anh	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1284	20020753	Nguyễn Ngọc Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1285	20020754	Phạm Thế Anh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1286	20020755	Lương Đắc Bảng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1287	20020758	Nguyễn Khắc Bình	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1288	20020760	Đinh Đức Chung	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1289	20020761	Nguyễn Đức Chung	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1290	20020763	Nguyễn Tất Cường	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1291	20020764	Cao Tiến Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1292	20020766	Nguyễn Văn Dũng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1293	20020767	Ngô Quang Duy	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1294	20020768	Trần Khánh Duy	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
1295	20020769	Nguyễn Duy Dự	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1296	20020770	Hoàng Viết Dương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1297	20020774	Nguyễn Thế Đạt	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1298	20020775	Nguyễn Hải Đăng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1299	20020776	Trần Văn Đình	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1300	20020777	Nguyễn Minh Đoàn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1301	20020780	Nguyễn Trung Đức	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1302	20020781	Vũ Minh Đức	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1303	20020783	Phạm Văn Giỏi	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1304	20020784	Nguyễn Tiến Hải	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1305	20020785	Trần Đức Hải	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1306	20020786	Nguyễn Mai Hiếu	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1307	20020791	Nguyễn Việt Hoàng	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1308	20020792	Trần Minh Hoàng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1309	20020793	Nguyễn Duy Hoằng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1310	20020794	Trần Văn Hợp	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1311	20020800	Nguyễn Đăng Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1312	20020801	Vũ Quang Huy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1313	20020802	Nguyễn Hoàng Hưng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1314	20020803	Phạm Quang Hưng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1315	20020804	Vũ Đình Hưng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1316	20020805	Ngô Văn Khải	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1317	20020806	Nguyễn Công Khải	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1318	20020807	Nguyễn Văn Khánh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1319	20020808	Trần Anh Khoa	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1320	20020811	Đỗ Tùng Lâm	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1321	20020816	Đinh Thị Ngọc Minh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1322	20020817	Hoàng Bảo Minh	2,394,000	5,670,000	8,064,000	0	8,064,000
1323	20020820	Võ Phương Bảo Minh	2,393,220	5,985,000	8,378,220	0	8,378,220
1324	20020821	Vũ Duy Minh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1325	20020823	Giang Hải Nam	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1326	20020824	Nguyễn Hoài Nam	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1327	20020825	Nguyễn Văn Nghĩa	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1328	20020828	Nguyễn Đình Phúc	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1329	20020829	Nguyễn Năng Phúc	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1330	20020830	Nguyễn Đức San	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1331	20020831	Đỗ Hoàng Sơn	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
1332	20020834	Hoàng Ngọc Sơn	27,500	5,985,000	6,012,500	0	6,012,500
1333	20020835	Trần ái Sương Sương	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1334	20020837	Thiều Quang Tấn	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1335	20020840	Đinh Trọng Thăng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1336	20020842	Nguyễn Đức Thắng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1337	20020843	Phạm Hoàng Thắng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1338	20020847	Mạnh Danh Tiến	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1339	20020848	Trần Hồng Tính	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1340	20020849	Nguyễn Khánh Toàn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1341	20020857	Nguyễn Anh Tuấn Trường	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1342	20020860	Nguyễn Văn Tuấn	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1343	20020861	Đồng Văn Tùng	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1344	20020863	Lưu Văn Tư	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1345	20020864	Lý Minh Tường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1346	20020868	Nguyễn Hoàng Vũ	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1347	20020869	Mai Tô Vững	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1348	20020870	Phạm Minh Vương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1349	20020875	Phạm Quốc Công	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1350	20020877	Trần Văn Cường	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1351	20020878	Chu Quốc Dao	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1352	20020879	Phan Văn Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1353	20020880	Nguyễn Văn Duy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1354	20020883	Tạ Quốc Đạt	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1355	20020884	Đoàn Công Đạt	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1356	20020886	Phùng Xuân Đạt	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1357	20020887	Nguyễn Hải Đăng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1358	20020888	Nguyễn Anh Đức	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1359	20020893	Phan Song Hào	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1360	20020897	Hà Hữu Hiếu	-46,737	5,670,000	5,623,263	0	5,623,263
1361	20020901	Phạm Huy Hoàng	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1362	20020903	Nguyễn Trọng Hùng	-46,737	5,670,000	5,623,263	0	5,623,263
1363	20020905	Nguyễn Quang Huy	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1364	20020906	Tô Văn Huyên	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1365	20020908	Lương Văn Huynh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1366	20020909	Nguyễn Bá Kiên	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1367	20020911	Chu Trí Kiều	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1368	20020917	Nghiêm Minh Nam	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1369	20020921	Nguyễn Tấn Phát	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1370	20020923	Vũ Trọng Phú	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1371	20020924	Đặng Văn Quyền	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1372	20020927	Nguyễn Hồng Sơn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1373	20020928	Bùi Đình Sự	2,394,000	5,985,000	8,379,000	0	8,379,000
1374	20020930	Nguyễn Quang Thành	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1375	20020933	Đàm Đình Thuyết	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1376	20020934	Bùi Chí Thức	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1377	20020935	Nguyễn Văn Thức	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1378	20020937	Hoàng Văn Tình	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1379	20020938	Nguyễn Văn Tỉnh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1380	20020939	Phan Văn Trình	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1381	20020940	Phan Văn Trọng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1382	20020942	Trần Thanh Trượng	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1383	20020944	Nguyễn Đình Tú	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1384	20020948	Nguyễn Tiến Việt	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1385	20020953	Nguyễn Ngọc An	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1386	20020955	Lê Đức Trường Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1387	20020956	Lương Việt Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1388	20020957	Lưu Công Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1389	20020958	Nguyễn Hữu Thuận Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1390	20020959	Nguyễn Thế Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1391	20020964	Nguyễn Chí Chiều	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1392	20020965	Nguyễn Xuân Cung	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1393	20020971	Nguyễn Tấn Dũng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1394	20020972	Nguyễn Văn Dũng	-6,000	7,245,000	7,239,000	0	7,239,000
1395	20020973	Hoàng Khánh Duy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1396	20020974	Phạm Minh Duy	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1397	20020977	Đặng Hữu Đan	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1398	20020980	Nguyễn Văn Đạt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1399	20020981	Phạm Tiến Đạt	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1400	20020982	Phạm Hải Đăng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1401	20020983	Vũ Minh Đăng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1402	20020985	Dương Ngọc Giang	2,394,000	5,040,000	7,434,000	0	7,434,000
1403	20020989	Phạm Văn Hậu	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1404	20020990	Lê Thanh Hiến	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1405	20020991	Nguyễn Minh Hiếu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1406	20020993	Phạm Hoàng Hiếu	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1407	20020994	Phạm Trung Hiếu	-1,000	5,355,000	5,354,000	0	5,354,000
1408	20021000	Nguyễn Hữu Hùng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1409	20021004	Nguyễn Tuấn Huỳnh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1410	20021006	Nguyễn Chí Khanh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1411	20021010	Nguyễn Văn Khương	-6,000	5,670,000	5,664,000	0	5,664,000
1412	20021012	Nguyễn Ngọc Kỷ	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1413	20021013	Nguyễn Hoàng Long	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1414	20021014	Phạm Văn Long	2,394,000	5,355,000	7,749,000	0	7,749,000
1415	20021017	Đinh Duy Minh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1416	20021019	Nguyễn Trọng Minh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1417	20021021	Hoàng Tiến Nam	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1418	20021023	Võ Phương Nam	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1419	20021030	Nguyễn Trọng Phú	-6,780	5,670,000	5,663,220	0	5,663,220
1420	20021031	Vũ Đức Phú	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1421	20021032	Khuất Minh Phúc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1422	20021034	Phan Công Phúc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1423	20021035	Trần Đình Phúc	-6,780	5,355,000	5,348,220	0	5,348,220
1424	20021037	Văn Đức Phúc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1425	20021038	Nguyễn Hoàng Phương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1426	20021041	Nguyễn Đình Quân	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1427	20021042	Nông Đức Quân		5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1428	20021043	Đào Ngọc Quý	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1429	20021044	Nguyễn Anh Quý	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1430	20021045	Đỗ Như Quyền	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1431	20021046	Nguyễn Thế Quyền	0	2,677,500	2,677,500	0	2,677,500

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1432	20021047	Vũ Mạnh Quyết	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1433	20021051	Đinh Xuân Tài	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1434	20021053	Nguyễn Danh Tân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1435	20021054	Nguyễn Trọng Thái	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1436	20021060	Vũ Mạnh Thắng	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1437	20021066	Cao Cự Toàn	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1438	20021076	Nguyễn Mạnh Tường	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1439	20021077	Trương Trung Việt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1440	20021079	Trần Thị Xen	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1441	20021215	Nguyễn Doãn Tuấn Anh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1442	20021218	Nguyễn Trần Đức Anh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1443	20021219	Nguyễn Tuấn Anh	-6,000	5,670,000	5,664,000	0	5,664,000
1444	20021223	Đào Bá Chiến	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1445	20021226	Nguyễn Đức Duy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1446	20021229	Chu Văn Đức	2,394,000	4,725,000	7,119,000	0	7,119,000
1447	20021233	Đặng Trần Hiệp	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1448	20021239	Trịnh Việt Huy	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1449	20021247	NguyễN Văn MạNh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1450	20021248	Hoàng Công Minh	-68,750	5,670,000	5,601,250	0	5,601,250
1451	20021250	Diệp Sơn Nam	2,394,000	4,725,000	7,119,000	0	7,119,000
1452	20021251	Phạm Thành Nam	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1453	20021252	Bùi Thị Quỳnh Nga	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1454	20021257	Nguyễn Tấn Phong	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1455	20021259	Nguyễn Thị Thu Phương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1456	20021260	Vũ Thế Phương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1457	20021262	Đồng Minh Quân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1458	20021264	Nguyễn Văn Sang	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1459	20021265	Nguyễn Đăng Tâm	-12,750	5,670,000	5,657,250	0	5,657,250
1460	20021266	Nguyễn Mai Thanh	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1461	20021268	Nguyễn Ngọc Thế	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1462	20021269	Nguyễn Hữu Thiêm	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1463	20021273	Phạm Anh Tú	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1464	20021275	Phùng Thanh Tùng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1465	20021276	Vũ Đức Việt	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1466	20021277	Bùi Quốc Vinh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1467	20021278	Vũ Quang Vinh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1468	20021607	Tạ Minh Hoàng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1469	21020003	Phạm Văn Bình	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1470	21020004	Nguyễn Công	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1471	21020005	Đào Duy Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1472	21020006	Bùi Tuấn Dũng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1473	21020014	Vương Trường Giang	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1474	21020016	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1475	21020017	Nguyễn Trung Hiếu	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1476	21020021	Nguyễn Việt Anh Khoa	-15,160	6,300,000	6,284,840	0	6,284,840
1477	21020027	Phạm Thanh Sơn	-347,160	5,670,000	5,322,840	0	5,322,840
1478	21020030	Nguyễn Anh Tú	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1479	21020035	Nguyễn Huy Thái	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1480	21020036	Nguyễn Văn Thắng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1481	21020039	Đinh Thế An	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1482	21020040	Nguyễn Hoài Nam	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1483	21020051	Phạm Gia Việt Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1484	21020054	Nguyễn Minh Chiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1485	21020055	Trần Thùy Dung	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
1486	21020058	Trương Tuấn Dũng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1487	21020059	Bùi Huy Dược	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1488	21020060	Cao Thị Thùy Dương	-62,160	5,040,000	4,977,840	0	4,977,840
1489	21020061	Nguyễn Phan Dương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1490	21020062	Lê Tuấn Đạt	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1491	21020068	Đoàn Thị Minh Hằng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1492	21020071	Nguyễn Huy Hiệu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1493	21020072	Nguyễn Xuân Hòa	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1494	21020074	Hoàng Phi Hùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1495	21020076	Hoàng Văn Huy	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1496	21020077	Nguyễn Kim Quang Huy	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1497	21020079	Hoàng Việt Hưng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1498	21020081	Trần Thọ Mạnh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1499	21020082	Cấn Minh Nghĩa	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1500	21020087	Phạm Thị Diễm Quỳnh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1501	21020090	Phùng Quang Tiến	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1502	21020092	Nguyễn Viết Tú	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1503	21020093	Vũ Minh Tuấn	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1504	21020094	Đào Văn Thành	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1505	21020098	Trần Đức Vinh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1506	21020099	Phạm Tuấn Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1507	21020100	Nguyễn Việt Bách	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1508	21020101	Phạm Công Thắng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1509	21020116	Nguyễn Quang Anh	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1510	21020123	Nguyễn Tiến Hoàng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1511	21020126	Đỗ Nhữ Hoàng Nam	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1512	21020130	Hoàng Huy Thắng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1513	21020131	Cao Thành Trung	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1514	21020137	Lê Tuấn Đạt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1515	21020142	Bùi Vũ Duy Hùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1516	21020146	Lại Vũ Thủy Ngân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1517	21020150	Nguyễn Đức Thiện	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1518	21020151	Nguyễn Công Trình	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1519	21020153	Trần Trung Mạnh	-62,160	6,300,000	6,237,840	0	6,237,840
1520	21020154	Nguyễn Ngọc Yến Trang	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1521	21020259	Hoàng Bùi Quế Anh	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
1522	21020260	Phạm Huy Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1523	21020261	Hoàng Ngọc Đức	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
1524	21020263	Bùi Đào Duy Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1525	21020268	Nguyễn Thành Dũng	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1526	21020272	Cao Thị Phương Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1527	21020273	Dương Nguyễn Việt Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1528	21020276	Nguyễn Tuấn Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1529	21020281	Trần Tuấn Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1530	21020282	Trịnh Kiều Anh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1531	21020283	Phạm Xuân Bách	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1532	21020284	Lã Việt Cường	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1533	21020285	Nguyễn Ngọc Cường	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1534	21020286	Lê Minh Châu	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1535	21020289	Phạm Bá Danh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1536	21020292	Đỗ Minh Duy	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1537	21020293	Ngô Hoàng Duy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1538	21020295	Đoàn Mạnh Dương	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1539	21020299	Nguyễn Thành Đạt	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1540	21020300	Nguyễn Trường Đạt	-48,160	6,615,000	6,566,840	0	6,566,840
1541	21020301	Đào Ngọc Hải Đăng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1542	21020306	Lương Trần Việt Đức	-47,910	6,615,000	6,567,090	0	6,567,090
1543	21020308	Bùi Thị Hương Giang	-50,000	5,355,000	5,305,000	0	5,305,000
1544	21020309	Hồ Thu Giang	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1545	21020311	Nguyễn Việt Hà	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1546	21020314	Nguyễn Hoàng Hào	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1547	21020316	Nguyễn Thị Hiền	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1548	21020317	Nguyễn Ngọc Hiệp	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1549	21020319	Phạm Minh Hiếu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1550	21020320	Phạm Minh Hiếu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1551	21020325	Trịnh Huy Hoàng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1552	21020327	Nguyễn Đức Hùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1553	21020328	Dương Đức Huy	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1554	21020329	Đào Quang Huy	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1555	21020333	Nguyễn Trọng Bảo Hưng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1556	21020335	Nguyễn Việt Hưng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1557	21020336	Vũ Thái Hưng	-857,250	6,615,000	5,757,750	0	5,757,750
1558	21020337	Lương Thị Thu Hương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1559	21020338	Ngô Thảo Hương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1560	21020341	Trần Phúc Khang	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1561	21020344	Vũ Nam Khánh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1562	21020348	Hoàng Hải Long	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1563	21020351	Nguyễn Viết Mạnh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1564	21020357	Nguyễn Đoàn Ngọc Minh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1565	21020360	Hà Hải Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1566	21020364	Bùi Tuấn Nghĩa	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1567	21020366	Lê Vũ Minh Nghĩa	-364,160	5,355,000	4,990,840	0	4,990,840
1568	21020368	Bùi Thị Ngọc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1569	21020371	Đặng Trí Nhân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1570	21020372	Nguyễn Thị Lan Nhi	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1571	21020374	Trần Quốc Phi	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1572	21020375	Đoàn Văn Phong	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1573	21020377	Võ Hồng Phúc	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
1574	21020378	Đỗ Thu Phương	-12,160	5,040,000	5,027,840	0	5,027,840
1575	21020379	Phan Thị Nhã Phương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1576	21020380	Lê Duy Quang	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1577	21020382	Bùi Minh Quân	-564,000	6,615,000	6,051,000	0	6,051,000
1578	21020385	Lê Văn Quốc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1579	21020388	Nguyễn Đức Quyền	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1580	21020389	Nguyễn An Sơn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1581	21020396	Nguyễn Minh Tuấn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1582	21020397	Phạm Anh Tuấn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1583	21020399	Nguyễn Vũ Thanh Tùng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1584	21020400	Tạ Xuân Tùng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1585	21020401	Phạm Đức Thành	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1586	21020405	Phan Mạnh Thắng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1587	21020407	Nguyễn Đức Thiện	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1588	21020411	Nguyễn Thị Thanh Thủy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1589	21020414	Đặng Thị Thanh Trúc	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1590	21020417	Phạm Xuân Trường	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1591	21020418	Trần Xuân Trường	0	5,355,000	5,355,000	5,040,000	315,000
1592	21020423	Lê Tiến Vũ	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1593	21020427	Nguyễn Nhật Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1594	21020429	Vũ Tuấn Anh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1595	21020430	Hà Hữu Dũng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1596	21020432	Trương Vũ Hoàng Dương	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1597	21020439	Lê Văn Huy	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1598	21020441	Vũ Thu Huyền	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1599	21020451	Trương Hải Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1600	21020457	Nguyễn Văn Trọng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1601	21020483	Nguyễn Tiến Dũng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1602	21020484	Nguyễn Tuấn Dũng	-47,910	5,355,000	5,307,090	0	5,307,090
1603	21020487	Phạm Minh Đức	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1604	21020488	Phạm Vũ Hải	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1605	21020489	Lê Việt Hoàng	-13,500	5,355,000	5,341,500	0	5,341,500
1606	21020491	Đoàn Tất Khởi	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1607	21020493	Nguyễn Phương Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1608	21020496	Phạm Như Nguyên	-61,410	5,040,000	4,978,590	0	4,978,590
1609	21020498	Nguyễn Hoàng Quân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1610	21020500	Chu Anh Tuấn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1611	21020501	Lại Văn Thắng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1612	21020502	Trần Đức Thịnh	-61,410	5,040,000	4,978,590	0	4,978,590
1613	21020507	Hàn Ngọc Minh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1614	21020508	Nguyễn Hữu Phước	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1615	21020534	Bùi Đức Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1616	21020536	Đoàn Xuân Bách	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1617	21020537	Lê Thanh Bình	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1618	21020538	Nguyễn Hữu Việt Cương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1619	21020539	Nguyễn Tuấn Đức	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1620	21020540	Công Nghĩa Hiếu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1621	21020541	Nguyễn Tiến Hùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1622	21020542	Nguyễn Khắc Nam Huy	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1623	21020547	Trần Duy Long	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1624	21020548	Nguyễn Nhật Minh	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1625	21020552	Mai Tú Phương	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1626	21020556	Nguyễn Đức Tùng	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1627	21020558	Nguyễn Đức Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1628	21020559	Nguyễn Gia Bảo	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1629	21020562	Nguyễn Hồ Khánh	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1630	21020566	Nguyễn Công Anh Tuấn	-61,410	5,040,000	4,978,590	0	4,978,590
1631	21020567	Đào Sơn Tùng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1632	21020568	Nguyễn Tiến Thịnh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1633	21020569	Hàn Nguyên Trường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1634	21020571	Đỗ Thiện Vũ	-905,000	6,615,000	5,710,000	0	5,710,000
1635	21020572	Lê Quang Kiên	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1636	21020574	Bùi Song Bách	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1637	21020715	Nguyễn Kim Huy	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1638	21020716	Vũ Trọng Hiệu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1639	21020722	Nguyễn Anh Tùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1640	21020754	Sầm Anh Dũng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1641	21020755	Nguyễn Hoàng Duy	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1642	21020763	Phùng Huy Hoàng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1643	21020766	Nguyễn Đồng Hưng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1644	21020767	Lý A Khang	0	1,512,000	1,512,000	0	1,512,000
1645	21020769	Trần Duy Khánh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1646	21020770	Đặng Văn Khởi	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1647	21020771	Quan Trung Kiên	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1648	21020783	Lương Thị Mai Phương	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1649	21020790	Lý Trường Thành	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1650	21020793	Đặng Quang Thắng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1651	21020794	Ma Thanh Thiện	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1652	21020799	Triệu Thanh Tùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1653	21020801	Hà Đức Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1654	21020806	Đào Thị Chúc	-48,410	5,670,000	5,621,590	0	5,621,590
1655	21020808	Nguyễn Phạm Dũng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1656	21020809	Nguyễn Đức Duy	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1657	21020810	Nguyễn Đức Duy	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1658	21020811	Nguyễn Thị Duyên	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1659	21020812	Lê Thành Đại	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1660	21020813	Vũ Đức Đại	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1661	21020816	Bùi Trần Duy Đông	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1662	21020817	Nguyễn Vũ Phương Đông	-48,000	5,985,000	5,937,000	0	5,937,000
1663	21020818	Trần Bá Đức	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1664	21020824	Nguyễn Khánh Huyền	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1665	21020829	Đặng Ngọc Khiêm	18,000	5,040,000	5,058,000	0	5,058,000
1666	21020830	Chu Viết Kiên	0	7,875,000	7,875,000	0	7,875,000
1667	21020831	Đậu Mạnh Kiên	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1668	21020832	Lê Duy Linh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1669	21020833	Nguyễn Hữu Long	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1670	21020840	Trịnh Hoài Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1671	21020843	Cao Hà Phương	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1672	21020844	Trần Hà Phương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1673	21020849	Bùi Gia Tân	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1674	21020853	Văn Đức Thiện	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1675	21020855	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1676	21020856	Phùng Trường Trinh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1677	21020860	Nguyễn Quang Tùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1678	21020862	Cao Tiến Dũng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1679	21020863	Hoàng Khánh Dương	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1680	21020864	Nguyễn Thái Dương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1681	21020865	Đỗ Văn Hào	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1682	21020866	Vi Văn Hòa	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1683	21020867	Chu Đức Long	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
1684	21020870	Lê Ngọc Nhạc	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1685	21020871	Nguyễn Vũ Quang	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1686	21020874	Lê Hồng Sáng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1687	21020875	Vũ Đức Thành	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1688	21020878	Phùng Văn Tĩnh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1689	21020879	Nguyễn Văn Tráng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1690	21020880	Hà Diệu Trúc	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1691	21020883	Cao Xuân Tùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1692	21020887	Nguyễn Nam Việt Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1693	21020893	Thái Hữu Dũng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1694	21020909	Phạm Trung Hiếu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1695	21020910	Trịnh Trung Hiếu	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1696	21020911	Nguyễn Quang Hiệu	-13,660	5,040,000	5,026,340	0	5,026,340
1697	21020912	Nguyễn Huy Hoàng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1698	21020916	Trương Quang Huy	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1699	21020917	Dương Bá Hưng	0	2,835,000	2,835,000	0	2,835,000
1700	21020918	Nguyễn Trần Việt Hưng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1701	21020919	Khương Gia Khánh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1702	21020922	Lê Đức Lâm	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1703	21020925	Chu Thành Long	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1704	21020928	Vũ Văn Lộc	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1705	21020931	Nguyễn Văn Nam	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1706	21020934	Lý Trường Phước	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1707	21020938	Nguyễn Văn Thao	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1708	21020939	Cung Văn Thắng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1709	21020946	Nguyễn Quốc Trung	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1710	21020948	Hoàng Huy Tuấn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1711	21020949	Hà Thanh Tùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1712	21020950	Mai Hoàng Tùng	-10,700	6,300,000	6,289,300	0	6,289,300
1713	21020952	Nguyễn Thanh An	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1714	21020954	Bùi Hoàng Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1715	21020958	Vũ Minh Công	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1716	21020960	Hoàng Kiên Cường	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1717	21020961	Nguyễn Đức Cường	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1718	21020963	Bùi Hữu Duẩn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1719	21020967	Lê Anh Duy	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1720	21020969	Dương Nguyên Đạt	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1721	21020972	Trương Văn Đăng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1722	21020978	Nguyễn Trường Giang	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1723	21020980	Nguyễn Cảnh Hà	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1724	21020981	Nguyễn Hoàng Hà	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1725	21020982	Nguyễn Công Hậu	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1726	21020983	Đào Xuân Trung Hiếu	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1727	21020986	Phạm Thanh Hoan	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1728	21020987	Nguyễn Sinh Minh Hoàn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1729	21020988	Phạm Minh Hoàn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1730	21020992	Nguyễn Quang Hưởng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1731	21020998	Phạm Duy Linh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1732	21020999	Hoàng Bảo Long	-201,410	5,670,000	5,468,590	0	5,468,590
1733	21021007	Nguyễn Văn Mạnh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1734	21021012	Nguyễn Hồ Hải Nam	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1735	21021013	Nguyễn Đức Nguyên	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1736	21021014	Bùi Thanh Phong	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1737	21021015	Nguyễn Minh Phong	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1738	21021016	Lê Công Phú	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1739	21021019	Cấn Minh Quang	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1740	21021021	Nguyễn Đoàn Tùng Quân	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1741	21021026	Phạm Trọng Sáng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1742	21021029	Nguyễn Văn Sỹ	-13,500	5,985,000	5,971,500	0	5,971,500
1743	21021032	Ngô Thị Thanh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1744	21021033	Nguyễn Yến Thanh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1745	21021035	Nguyễn Công Thành	0	5,040,000	5,040,000	2,016,000	3,024,000
1746	21021036	Nguyễn Công Thành	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1747	21021038	Võ Tất Thành	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1748	21021039	Vũ Thị Thương Thảo	-48,410	6,300,000	6,251,590	0	6,251,590
1749	21021044	Đỗ Đức Tiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1750	21021045	Đào Văn Tiến	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1751	21021046	Nguyễn Đình Tiến	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1752	21021049	Bùi Quang Trung	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1753	21021050	Đoàn Đức Trung	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1754	21021051	Nguyễn Đỗ Quốc Trường	-1,228,500	5,985,000	4,756,500	0	4,756,500
1755	21021052	Bùi Quốc Trưởng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1756	21021053	Nguyễn Đình Anh Tú	-50,000	5,355,000	5,305,000	0	5,305,000
1757	21021054	Phí Ngọc Tuấn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1758	21021055	Bùi Viết Thanh Tùng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1759	21021056	Hoàng Thanh Tùng	-20,000	5,355,000	5,335,000	0	5,335,000
1760	21021057	Nguyễn Hợp Bảo Tùng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1761	21021058	Nguyễn Xuân Tùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1762	21021060	Vũ Bá Văn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1763	21021064	Lữ Thành Vinh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1764	21021065	Trịnh Trọng Vinh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1765	21021066	Vũ Việt Vương	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1766	21021069	Lê Văn Anh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1767	21021072	Chu Văn Bảo	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1768	21021074	Phạm Xuân Bắc	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1769	21021075	Nguyễn Đăng Cường	-299,250	5,040,000	4,740,750	0	4,740,750
1770	21021076	Nguyễn Công Doanh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1771	21021082	Nguyễn Minh Đức	-62,160	5,040,000	4,977,840	0	4,977,840
1772	21021083	Nguyễn Trung Đức	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1773	21021087	Lê Trung Hiếu	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1774	21021090	Vũ Văn Hiếu	-347,160	4,725,000	4,377,840	0	4,377,840
1775	21021094	Lê Bá Hoàng Hùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1776	21021095	Nguyễn Quốc Hưng	27,000	4,725,000	4,752,000	0	4,752,000
1777	21021098	Phạm Đăng Khoa	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1778	21021101	Nguyễn Tùng Lâm	-12,160	4,725,000	4,712,840	0	4,712,840
1779	21021103	Trần Thành Long	0	2,205,000	2,205,000	0	2,205,000
1780	21021106	Vũ Đức Mạnh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1781	21021108	Đỗ Như Nghiệp	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1782	21021111	Phạm Bá Phong	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1783	21021113	Hoàng Minh Đăng Quang	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1784	21021114	Phạm Minh Quang	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1785	21021115	Đào Anh Quân	-53,160	5,040,000	4,986,840	0	4,986,840
1786	21021121	Trần Hữu Thái	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1787	21021125	Nguyễn Quang Thắng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1788	21021127	Vũ Đức Thiện	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1789	21021130	Nguyễn Văn Tráng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1790	21021131	Lương Quang Trung	-397,160	4,725,000	4,327,840	0	4,327,840
1791	21021132	Phạm Đình Trung	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1792	21021133	Trương Hoàng Tú	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1793	21021134	Nguyễn Quốc Tuấn	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1794	21021136	Trương Hoàng Tuấn	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1795	21021137	Cao Văn Tùng	-347,160	3,780,000	3,432,840	0	3,432,840
1796	21021139	Nguyễn Xuân Tùng	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1797	21021141	Lê Thế Viết	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1798	21021142	Vũ Trí Vinh	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1799	21021144	Trần Văn Vương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1800	21021146	Đỗ Hoàng Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1801	21021149	Nguyễn Trung Tuấn Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1802	21021151	Trần Thế Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1803	21021152	Trần Trung Anh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1804	21021153	Vũ Trung Hiếu Anh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1805	21021157	Đoàn Dung Cơ	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1806	21021158	Kiều Ngọc Cương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1807	21021160	Nguyễn Thọ Quang Cường	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1808	21021161	Triệu Quốc Cường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1809	21021162	Lê Vũ Đức Dũng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1810	21021164	Nguyễn Quý Dương	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1811	21021168	Nguyễn Trường Đăng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1812	21021169	Mai Thanh Đức	0	7,560,000	7,560,000	0	7,560,000
1813	21021170	Nguyễn Minh Đức	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1814	21021171	Nguyễn Nhật Đức	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1815	21021173	Trần Việt Đức	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1816	21021176	Trần Hữu Hân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1817	21021177	Nguyễn Huy Hiển	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1818	21021178	Đặng Hoàng Hiệp	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1819	21021180	Nguyễn Xuân Hiệp	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1820	21021181	Đỗ Minh Hiếu	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1821	21021183	Hoàng Minh Hiếu	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1822	21021184	Lưu Văn Hiếu	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1823	21021185	Đỗ Trọng Hinh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1824	21021186	Phan Huy Hoàng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1825	21021191	Phạm Đăng Hùng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1826	21021193	Khuất Quang Huy	0	7,245,000	7,245,000	0	7,245,000
1827	21021194	Nguyễn Anh Huy	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1828	21021195	Phạm Quang Huy	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1829	21021196	Trần Anh Huy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1830	21021199	Nguyễn Xuân Hưng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1831	21021200	Nguyễn Thị Hương	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1832	21021201	Nguyễn Nam Khánh	0	4,095,000	4,095,000	0	4,095,000
1833	21021203	Nguyễn Duy Linh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1834	21021204	Nguyễn Tiến Linh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1835	21021205	Đinh Thanh Loan	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1836	21021207	Trương Hải Long	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1837	21021208	Đinh Xuân Lộc	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1838	21021211	Đào Trần Minh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1839	21021212	Đặng Đức Minh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1840	21021213	Trịnh Quang Minh	-47,660	5,670,000	5,622,340	0	5,622,340
1841	21021214	Trương Nhật Minh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1842	21021215	Mai Phương Nam	0	6,930,000	6,930,000	0	6,930,000
1843	21021218	Phùng Xuân Nghĩa	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1844	21021220	Nguyễn Tuấn Nhật	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1845	21021221	Đỗ Minh Phấn	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1846	21021222	Phạm Hoàng Phi	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1847	21021223	Mai Hồng Phong	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1848	21021224	Nguyễn Hoàng Phúc	-12,750	5,355,000	5,342,250	0	5,342,250
1849	21021225	Nguyễn Văn Phúc	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1850	21021227	Đỗ Minh Quân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1851	21021232	Nguyễn Thế Sơn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1852	21021234	Hoàng Văn Tâm	-660	5,355,000	5,354,340	0	5,354,340
1853	21021235	Trần Đức Tân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1854	21021236	Hồ Duy Thái	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1855	21021237	Nguyễn Văn Thành	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1856	21021239	Đỗ Quang Thắng	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1857	21021242	Trần Thu Thủy	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1858	21021245	Phạm Hữu Trung	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1859	21021246	Nguyễn Hữu Trường	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1860	21021247	Lê Minh Tú	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1861	21021248	Phạm Quốc Tuân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1862	21021250	Phạm Thanh Việt	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1863	21021251	Hoàng Thế Vinh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1864	21021253	Vũ Thành Vinh	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1865	21021254	Hoàng Long Vũ	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1866	21021255	Hoàng Phi Vũ	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1867	21021256	Nguyễn Văn Vũ	-10,660	5,355,000	5,344,340	0	5,344,340
1868	21021397	Dương Kỳ Anh	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1869	21021398	Đinh Quốc Anh	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1870	21021403	Lương Trí Dũng	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1871	21021405	Nguyễn Sỹ Duy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1872	21021408	Nguyễn Tiến Đạt	-12,838	4,725,000	4,712,162	0	4,712,162
1873	21021409	Trần Đức Đạt	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1874	21021416	Đỗ Minh Hiếu	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1875	21021417	Trần Chí Hoàng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1876	21021418	Lê Tuấn Hùng	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1877	21021421	Phạm Quang Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1878	21021424	Lê Đức Lương	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1879	21021425	Vũ Đức Lương	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1880	21021426	Phan Đức Mạnh	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1881	21021427	Nguyễn Công Minh	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1882	21021428	Nguyễn Trung Nam	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1883	21021429	Phạm Thị Kim Ngân	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1884	21021430	Nguyễn Đình Phương	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1885	21021431	Nguyễn Đăng Quang	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1886	21021434	Vũ Xuân Quân	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1887	21021436	Nguyễn Tư Sơn	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1888	21021437	Phạm Văn Sơn	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1889	21021438	Vũ Phan Nhật Thành	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1890	21021439	Nguyễn Ngọc Hương Thảo	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1891	21021441	Lê Toàn Thắng	0	6,300,000	6,300,000	0	6,300,000
1892	21021449	Lê Anh Tuấn	-360,660	5,355,000	4,994,340	0	4,994,340
1893	21021450	Nguyễn Quang Tùng	-912,750	3,150,000	2,237,250	0	2,237,250
1894	21021451	Phạm Thành Việt	0	4,410,000	4,410,000	0	4,410,000
1895	21021660	Lương Phùng Nhâm	0	6,615,000	6,615,000	0	6,615,000
1896	21021661	Hoàng Thanh Tùng	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1897	21021663	Hoàng Quang Huy	0	1,701,000	1,701,000	0	1,701,000
1898	21021664	Lục Thành Lương	0	1,512,000	1,512,000	0	1,512,000
1899	21021666	Lộc Đình Thành	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1900	21021669	Bùi Minh Hoàng	0	4,725,000	4,725,000	0	4,725,000
1901	21021670	Đoàn Minh Châu	0	5,670,000	5,670,000	0	5,670,000
1902	21021674	Bùi Quang Huy	0	5,985,000	5,985,000	0	5,985,000
1903	21021675	Phạm Anh Quân	0	5,355,000	5,355,000	0	5,355,000
1904	21021676	Nguyễn Quang Huy	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000
1905	21021677	Nguyễn Đình Vũ	0	5,040,000	5,040,000	0	5,040,000